



UD TRUCKS

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG - BẢO DƯỠNG

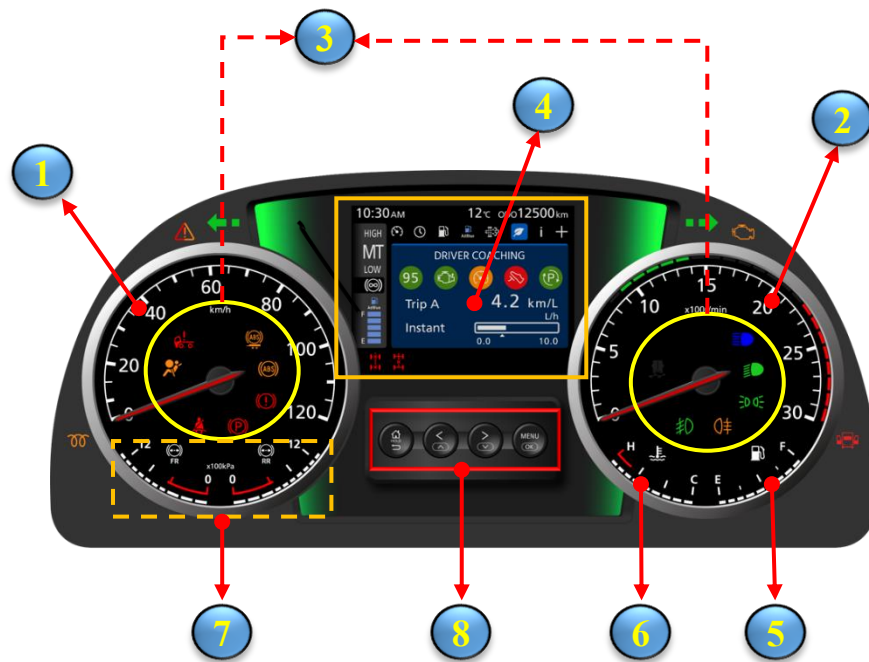
Quester & Croner

MỤC LỤC

- I. Hướng dẫn sử dụng
- II. Lưu ý khi vận hành
- III. Nội dung bảo dưỡng

I. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

I.1 Hướng dẫn nhận diện các chức năng trên đồng hồ tập lái



1. Đồng hồ công tơ mét
2. Đồng hồ tốc độ động cơ
3. Màn hình hiển thị thông tin tín hiệu cảnh báo
4. Màn hình hiển thị cài đặt chức năng
5. Đồng hồ nhiên liệu
6. Đồng hồ nhiệt độ nước làm mát
7. Đồng hồ áp suất khí nén (trước, sau)
8. Nút điều khiển lựa chọn chức năng

I. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

I.2 Chức năng của các đồng hồ đo trên cụm đồng hồ táp lô

A. Đồng hồ đo tốc độ động cơ



Đồng hồ đo tốc độ động cơ hiển thị tốc độ động cơ theo số vòng quay trên phút. Nó giúp bạn điều chỉnh tốc độ của động cơ phù hợp để tránh động cơ chạy quá yếu hoặc quá cao. Vùng màu xanh lá cây là vùng hoạt động an toàn và đạt hiệu quả kinh tế, tiết kiệm nhiên liệu.

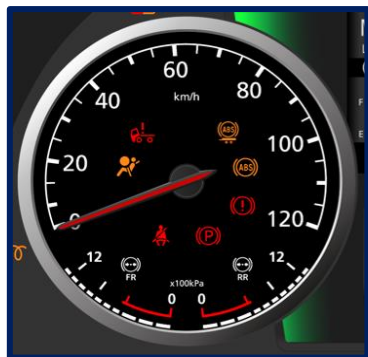
Luôn vận hành động cơ trong vùng màu xanh trừ khi sử dụng phanh phụ.



CẢN TRỌNG

Vùng màu đỏ cho biết phạm vi tốc độ động cơ nguy hiểm, nó có thể gây hư hỏng nghiêm trọng và giảm tuổi thọ cho động cơ. Luôn giữ chỉ báo dưới vùng nguy hiểm này.

B. Đồng hồ đo tốc độ xe



Đồng hồ công tơ mét của xe hiển thị tốc độ của xe tính bằng km trên giờ. Phạm vi của đồng hồ công tơ mét từ 0 - 120 km/h.

I. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

I.3 Chức năng của các đồng hồ đo trên cụm đồng hồ tấp lô

C. Đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát



Mục đích của đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát động cơ là hiển thị nhiệt độ nước làm mát động cơ. Đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát động cơ có đèn hiển thị cảnh báo (Đặt ở bên phải, được đánh dấu là **H**) đi kèm với nó được kích hoạt khi nhiệt độ nước làm mát cao. Khi nhiệt độ nước làm mát cao đèn báo **STOP** sáng lên và động cơ bắt đầu có tín hiệu xấu.

Hãy dừng xe ngay lập tức và liên hệ với Đại lý UD Trucks được ủy quyền để được hỗ trợ!

Lưu ý: Không mở nắp két nước khi động cơ đang còn nóng!

I. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

I.3 Chức năng của các đồng hồ đo trên cụm đồng hồ táp lô

D. Đồng hồ đo mức nhiên liệu



Đồng hồ đo cho biết lượng nhiên liệu gần đúng trong bình. Đồng hồ đo nhiên liệu hiển thị mức nhiên liệu khi khóa điện **ON**. Khi mức nhiên liệu nhỏ hơn **10%** dung tích bình nhiên liệu, đèn báo mức nhiên liệu thấp sẽ sáng.

Vị trí kim sẽ khác nhau chút ít khi ga, phanh hoặc khi xe xuống dốc hoặc lên dốc. Vì vậy kiểm tra mức nhiên liệu khi xe ít bị dao động hoặc khi đỗ.

I. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

I.3 Chức năng của các đồng hồ đo trên cụm đồng hồ táp lô

E. Đồng hồ đo áp suất khí nén



- 1.Áp suất khí nén, phanh trước
- 2.Áp suất khí nén, phanh sau
- 3.Đồng hồ đo Adblue

Đồng hồ này hiển thị áp suất không khí trong bình chứa khí.

Áp suất hệ thống khí nén	Quester	770 - 950 kPa (7.7 - 9.5 bar)
	Croner	770 - 930 kPa (7.7 - 9.3 bar)

Áp suất khí được đọc theo bảng sau:

Thứ tự nấc LED	Áp suất (Bar)	Thứ tự nấc LED	Áp suất (Bar)
1	0-2	6	7
2	2,5-4	7	7,5
3	4,5-5,5	8	8-9,5
4	6	9	10-11,5
5	6,5	10	>12

Đồng hồ đo AdBlue

Khi lượng AdBlue giảm trong bể (còn khoảng 10%), đèn thước đo sẽ sáng và thông báo lỗi sẽ hiển thị cho người lái xe, hãy nạp AdBlue vào bình chứa AdBlue.

Nếu hệ thống phát hiện thấy lỗi vẫn còn thì công suất của động cơ sẽ giảm đi 40% so với công suất tối đa.

I. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

I.3 Chức năng của các đồng hồ đo trên cụm đồng hồ tấp lô

F. Menu màn hình hiển thị



Menu hiển thị được lựa chọn và tùy chỉnh bằng các nút ấn như hình bên, chúng cho phép lựa chọn và tùy chỉnh cài đặt một số chức năng của hệ thống. Ví dụ: cài đặt giờ, ngôn ngữ,...

CÁC THÔNG TIN CẢNH BÁO QUAN TRỌNG

Kí hiệu	Còi báo	Bật lên	Đèn báo trên bảng đồng hồ
	Nghe trong một thời gian ngắn	Màn hình hiển thị bật lên cho đến khi nhấn nút ESC hoặc trong 8 giây	Đèn cảnh báo bật sáng cho đến khi nhấn nút ESC hoặc trong 8 giây
	-	Màn hình hiển thị bật lên cho đến khi nút ESC được nhấn	Đèn cảnh báo phát sáng liên tục (Cần vào xưởng kiểm tra)
	Nghe liên tục cho đến khi nhấn nút ESC	Đèn hiển thị STOP sáng lên khi có lỗi	Đèn cảnh báo phát sáng liên tục (dừng xe liên hệ kỹ thuật)

- Nút thoát ESC (1)
- Nút xuống (3)
- Nút lên (2)
- Nút Enter / OK (4)

I. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

I.3 Chức năng của các đồng hồ đo trên cụm đồng hồ táp lô

G. Ý nghĩa đèn cảnh báo trên xe

	Đèn cảnh báo ABS của xe		Phanh đỗ xe		Đèn báo lỗi động cơ (MIL)
	Đèn cảnh báo ABS của rô mooc		Nhắc thắt dây an toàn		Đèn báo cabin chưa khoá
	Áp suất khí nén phanh		Dừng xe		Đèn báo vị trí
	Xông nóng động cơ		Đèn báo kiểm tra		Lỗi hệ thống phanh
	Đèn sương mù, trước		Đèn báo tín hiệu rẽ phải		Đèn báo bộ sấy nóng nhiên liệu
	Đèn sương mù, sau		Đèn báo tín hiệu rẽ trái		Đèn báo mòn bộ phanh
	Đèn chiếu xa (pha)		Đèn báo tín hiệu rẽ phải của rô mooc		Đèn báo PTO
	Đèn chiếu gần (cos)		Đèn báo tín hiệu rẽ trái của rô mooc		Đèn báo chế độ O/D

I. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

I.3 Chức năng của các đồng hồ đo trên cụm đồng hồ tập lô

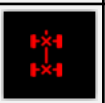
G. Ý nghĩa đèn cảnh báo trên xe

	Đèn báo nghẹt lọc nhiên liệu		Đèn cảnh báo nhớt hộp số		Đèn báo chế độ tăng nhanh (thò)
	Nhắc bảo dưỡng hộp số		Đèn báo mức nhiên liệu thấp		Đèn báo phanh phụ
	Nhắc có tin nhắn chờ		Đèn báo nhiệt độ nước làm mát		Đèn báo phanh tay rơ mooc
	Đèn cảnh báo AdBlue		Đèn báo cửa mở		Cảnh báo vượt quá giới hạn tốc độ
	Đèn cảnh báo mức AdBlue thấp		Đèn báo áp suất nhớt động cơ thấp		Cảnh báo quá nhiệt hộp số
	Đèn cảnh báo mức nhớt thấp		Đèn báo lỗi ắc quy không sạc điện		Cảnh báo quá nhiệt hộp số mức nghiêm trọng
	Đèn báo sự cố xử lý khí thải		Đèn AdBlue		Cấm chuyển số
	Đèn cảnh báo sự cố khí thải nghiêm trọng		Đèn báo chế độ tăng chậm (rùa)		Đèn báo có nước trong nhiên liệu

I. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

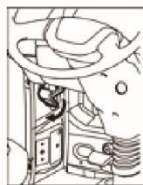
I.3 Chức năng của các đồng hồ đo trên cụm đồng hồ táp lô

G. Ý nghĩa đèn cảnh báo trên xe

	Đèn báo nghẹt lọc gió		Đèn báo khoá liên trục		Đèn báo quá trình xử lý khí thải đang diễn ra
	Đèn nhắc bảo dưỡng		Đèn báo khoá vi sai		Đèn cảnh báo chất lượng AdBlue thấp
	Đèn cảnh báo nhiệt độ nhớt động cơ		Nhiệt độ nhớt động cơ quá cao		Đèn cảnh báo nhớt hộp số mức độ nghiêm trọng
	Đèn báo Cruise Control				

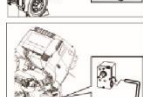
I. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

I.4 Hướng dẫn nâng – hạ cabin



Nâng cabin bằng tay

1. Đạp xe trên một bề mặt bằng phẳng.
2. Gài phanh tay.
3. TẮT động cơ
4. Đảm bảo rằng có đủ không gian phía trước và phía trên cabin
5. Đảm bảo trong cabin không có các vật dễ rơi vỡ.
6. Đóng tất cả các cửa
7. Kê các bánh xe
8. Mở nắp ca pô phía trước (bắt buộc) và lấy khoá xoay.
9. Xoay van chọn theo chiều kim đồng hồ
10. Sử dụng cần tuýp lắp vào núm xoay cùng với cần nối và bơm cho đến khi cabin nghiêng hoàn toàn.



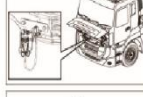
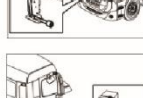
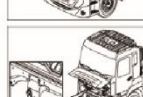
Hạ cabin bằng tay

1. Xoay van chọn theo hướng ngược chiều kim đồng hồ.
2. Sử dụng cần tuýp lắp vào núm xoay cùng với cần nối và bơm cho đến khi cabin hạ hoàn toàn
3. Đặt khoá xoay vào vị trí ban đầu
4. Đóng nắp ca pô.



Nâng cabin bằng điện

1. Đạp xe trên một bề mặt bằng phẳng.
2. Gài phanh tay
3. Đảm bảo rằng có đủ không gian phía trước và phía trên cabin.
4. Đảm bảo trong cabin không có các vật dễ rơi, vỡ.
5. Kê các bánh xe
6. Xoay khoá điện sang vị trí "ON"
7. BẬT công tắc nghiêng ca bin trên bảng điều khiển
8. Mở nắp ca pô phía trước (bắt buộc) và lấy khoá xoay
9. Xoay van chọn theo chiều kim đồng hồ
10. Giữ công tắc nghiêng cabin trong tay và mở nắp nhấn và giữ nút ấn trong công tắc nâng cabin cho đến khi cabin nghiêng hoàn toàn.

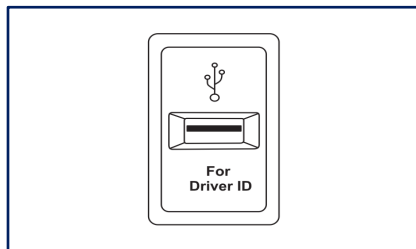


Hạ cabin điện

1. Xoay van chọn theo hướng ngược chiều kim đồng hồ.
2. Nhấn và giữ nút ấn trong công tắc nâng hạ ca bin cho đến khi ca bin hạ xuống hoàn toàn
3. Đặt công tắc nâng hạ cabin vào vị trí ban đầu.
4. TẮT công tắc nâng hạ ca bin trên bảng điều khiển và TẮT khoá điện.

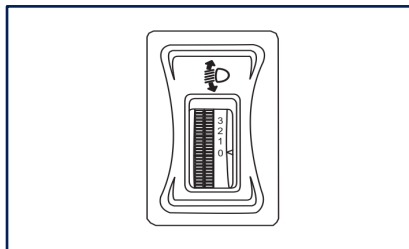
I. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

I.5 Các công tắc và chức năng



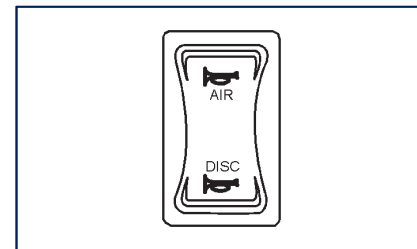
Cổng ID lái xe dành cho TGW

Cổng giao tiếp USB sẽ khả dụng trên các xe có trang bị dịch vụ quản lý đội xe (TGW).



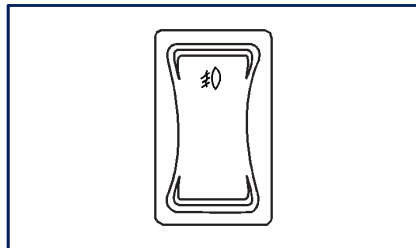
Công tắc cân chỉnh đèn pha

Khi nút vận được điều chỉnh xuống thì đèn sẽ được điều chỉnh xuống và ngược lại.

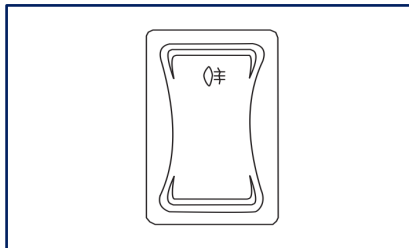


Công tắc còi (nếu trang bị)

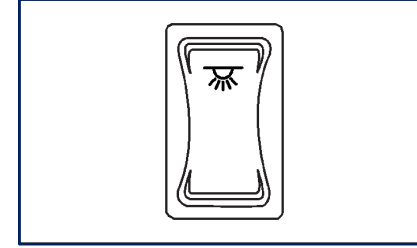
Cho phép chọn chế độ giữa còi hơi và còi điện.



Công tắc đèn sương mù trước



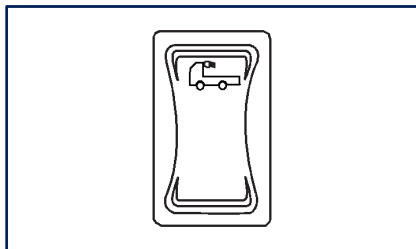
Công tắc đèn sương mù sau



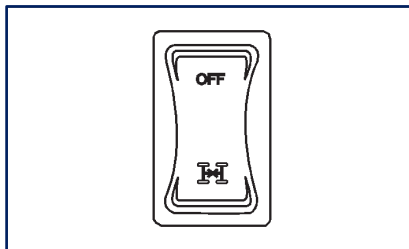
Công tắc đèn nội thất – nếu trang bị

I. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

I.5 Các công tắc và chức năng

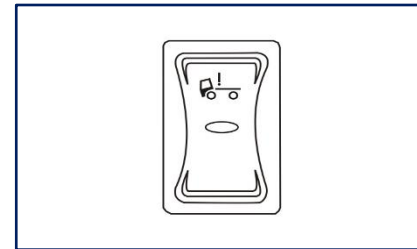


**Công tắc đèn làm việc phía sau
(nếu trang bị)**



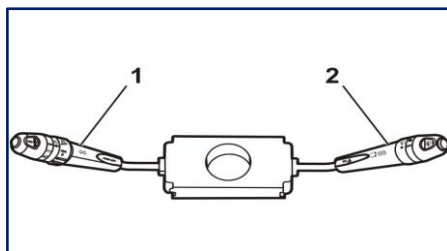
Công tắc khoá vi sai liên động – nếu trang bị
Sử dụng công tắc này khi cần khóa vi sai giữa các cầu để vượt qua các vùng địa hình xấu, đường lầy,...

Cảnh báo : tốc độ vận hành của xe < 15 km/h



**Công tắc cấp nguồn nâng cabin điện
(nếu trang bị)**

Công tắc tổ hợp



1. Cần điều khiển bên trái
2. Cần điều khiển bên phải

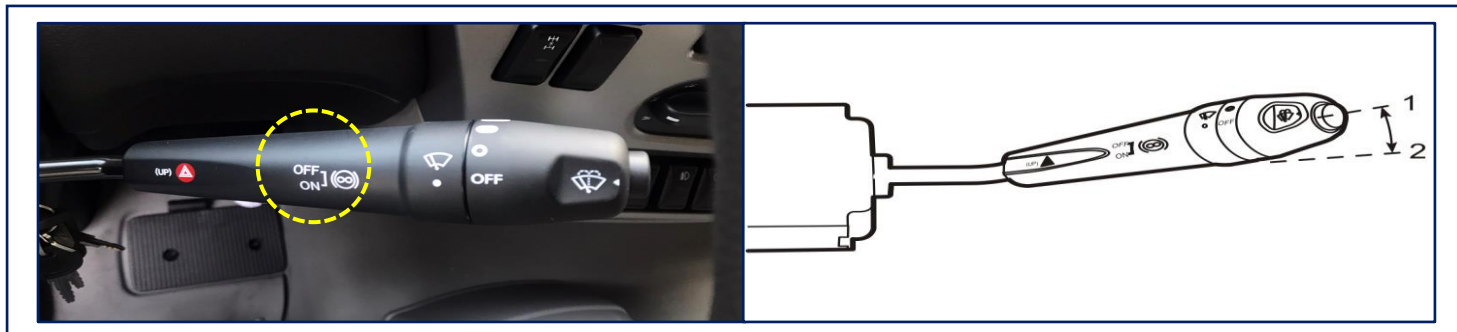
Công tắc tổ hợp kết hợp nhiều công tắc và các chức năng khác nhau để có thể được điều khiển một cách dễ dàng. Nó nằm ngay phía sau vô lăng để lái xe có thể điều khiển và sử dụng dễ dàng và thuận lợi.

Điều khiển bên trái	Điều khiển bên phải
Điều khiển đèn	Phanh phụ
Đèn nháy	Rửa kính/ gạt mưa
Đèn xi nhan	Tín hiệu ưu tiên
Điều khiển ga tự động - nếu trang bị	

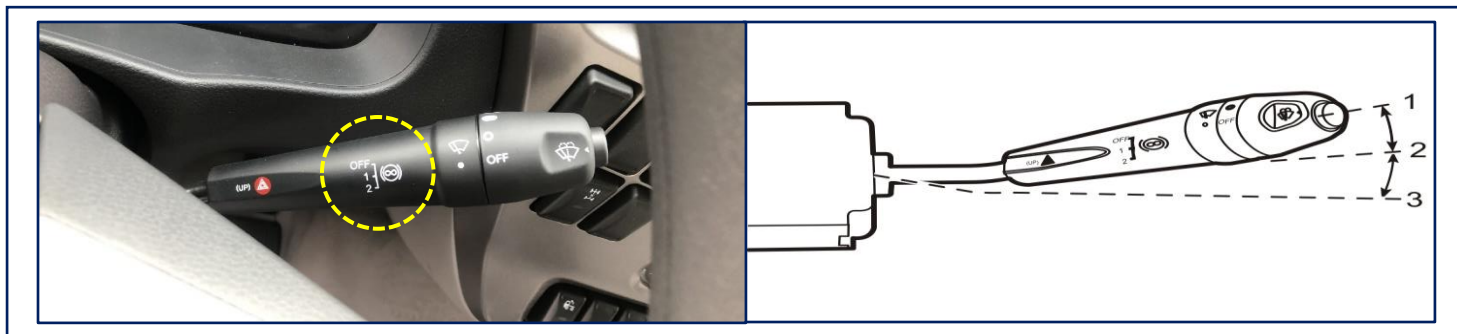
I. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

I.5 Các công tắc và chức năng

Công tắc điều khiển phanh phụ (2 vị trí)



Công tắc điều khiển phanh phụ (3 vị trí)



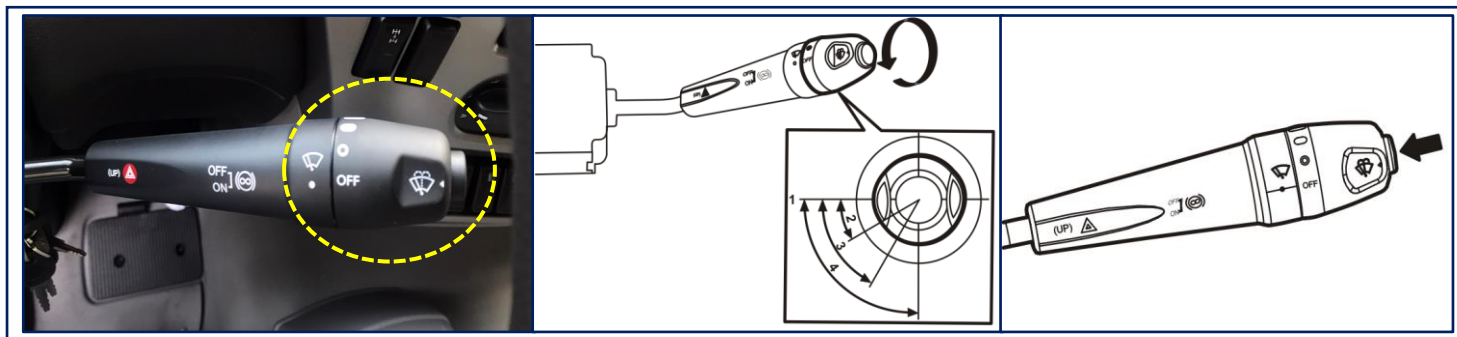
Để kích hoạt phanh phụ, công tắc tổ hợp được đẩy xuống (từ vị trí 1 (OFF) xuống vị trí 2/3 (ON)).

Lưu ý: Khi không cần phanh phụ, trả công tắc về vị trí "1". Điều này sẽ tiết kiệm nhiên liệu và tuổi thọ của phanh phụ.

I. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

I.5 Các công tắc và chức năng

Công tắc gạt mưa và rửa kính



Chức năng gạt nước: Công tắc gạt nước là loại công tắc dạng vòng xoay và có một số chế độ hoạt động để loại bỏ nước mưa. Có thể vận công tắc ngược chiều kim đồng hồ để tăng tốc độ gạt nước theo chế độ tương ứng.

- | | |
|--------------|----------------|
| 1. OFF | 3. Tốc độ thấp |
| 2. Gián đoạn | 4. Tốc độ cao |

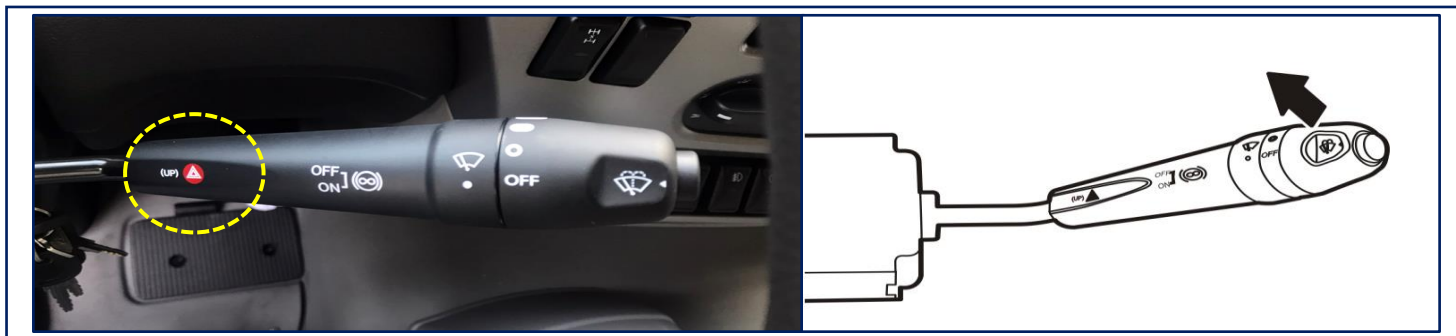
Khi mỗi lần nút điều khiển được nhấn, thì cần gạt nước và vòi phun nước (trên kính chắn gió) sẽ hoạt động trong một thời gian ngắn.

Lưu ý: Không sử dụng cần gạt nước khi kính chắn gió khô. Không nên nhấn nút gạt nước nếu bình chứa nước rửa kính đã cạn. Điều này có thể làm hỏng mô tơ bơm nước.

I. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

I.5 Các công tắc và chức năng

Công tắc đèn ưu tiên (cảnh báo nguy hiểm)

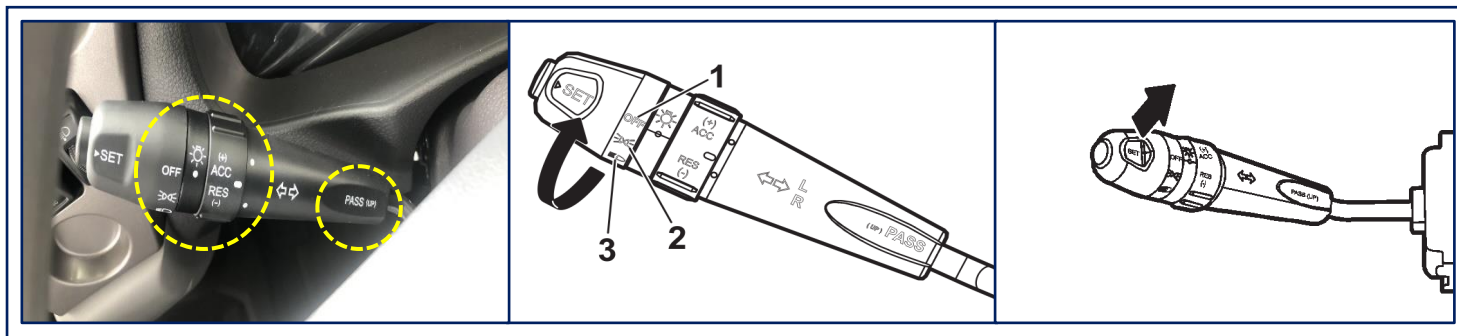


Để kích hoạt cảnh báo nguy hiểm, công tắc tổ hợp được đẩy lên trên về phía vô lăng từ vị trí trung gian.

I. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

I.5 Các công tắc và chức năng

Công tắc đèn và nhảy (đá) đèn pha



Công tắc đèn	Vị trí công tắc tổ hợp
OFF	1
Đèn đỗ xe	2
Đèn cos	3
Đèn pha	3 và nhấn xuống

Chức năng điều khiển đèn (OFF , đèn đỗ xe, đèn pha) sẽ được điều khiển thông qua công tắc kiểu xoay. Đèn Cos/phá có thể thay đổi điều khiển bằng cách di chuyển cần gạt tổ hợp lên / xuống khi công tắc ở vị trí (3).

Đèn nhảy (để vượt) có thể được điều khiển bằng cách di chuyển công tắc tổ hợp về phía vô lăng và nhả ra. Nó bao gồm vị trí tắt và vị trí hoạt động nhất thời (tự nhả ra khi thả tay).

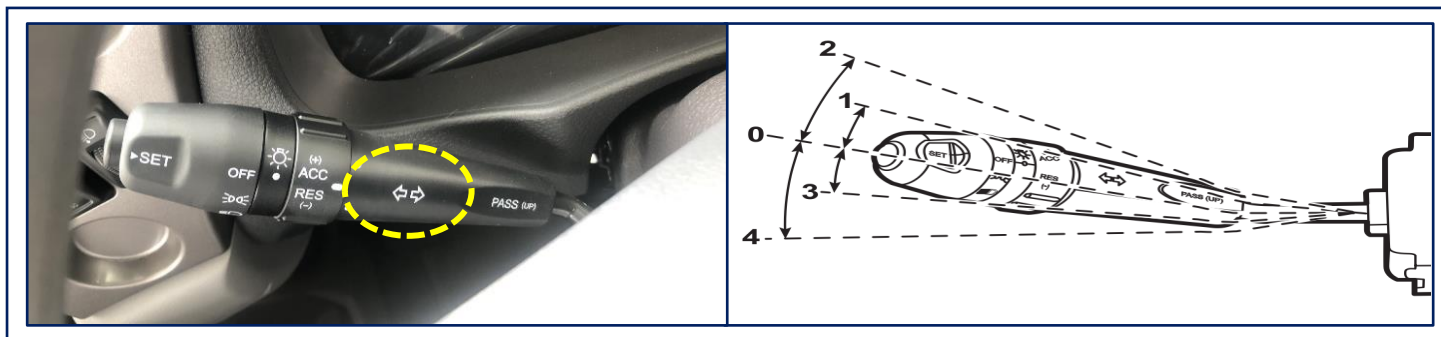
Công tắc đèn ban ngày (DRL) – Nếu trang bị

Tính năng đèn ban ngày được kích hoạt khi chìa khoá khởi động đặt ở vị trí ON và phanh tay đã được nhả.

I. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

I.5 Các công tắc và chức năng

Công tắc đèn báo rẽ



Tín hiệu báo rẽ được điều khiển bằng cách di chuyển cần điều khiển công tắc tổ hợp lên hoặc xuống (từ vị trí trung gian), song song với vô lăng. Tín hiệu báo rẽ được điều khiển ở 2 chế độ hoạt động. Chế độ chuyển làn tạm thời và tín hiệu báo rẽ tự hủy.

Khi cần gạt được di chuyển đến vị trí đầu tiên (1&3), cần điều khiển sẽ quay trở lại vị trí ban đầu (vị trí trung gian) nếu được thả ra và đèn chỉ hướng sẽ chớp một lần.

Nếu người lái giữ cần gạt ở vị trí đầu tiên (1&3), chức năng của đèn chỉ hướng sẽ hoạt động cho đến khi nó được thả ra.

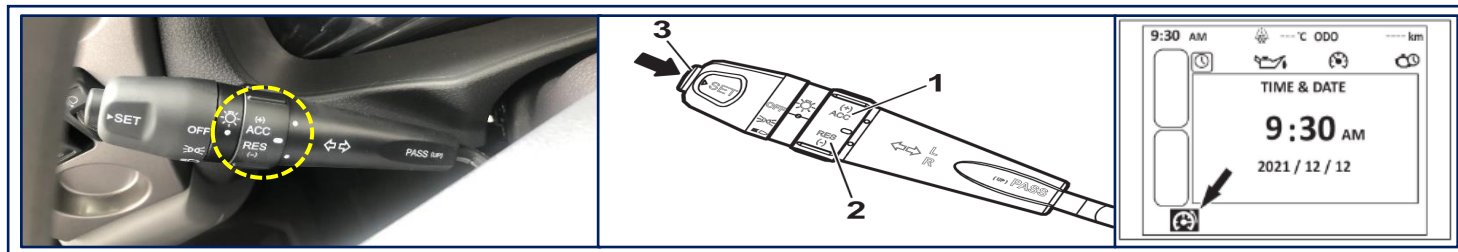
Nếu cần gạt được di chuyển đến vị trí cuối (2&4) thì cần điều khiển sẽ không quay trở lại và chức năng chỉ hướng sẽ hoạt động cho đến khi được hủy bằng thủ công hoặc cơ chế hủy tự động.

Lưu ý: Luôn đảm bảo rằng, tín hiệu báo rẽ sẽ được tắt sau khi đã rẽ xong hoặc chuyển làn xong.

I. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

I.5 Các công tắc và chức năng

Công tắc điều khiển ga tự động (CC) – Nếu trang bị



Để kích hoạt và cài đặt tốc độ mong muốn:

1. Nhả ly hợp và phanh, sau đó nhấn công tắc CC SET để kích hoạt điều khiển ga tự động. Nếu muốn tăng tốc độ xe, nhấn công tắc ACC (+). Tốc độ của xe sẽ tăng lên khi mỗi lần công tắc ACC (+) được nhấn (tốc độ sẽ không tăng quá tốc độ tối đa theo tỷ lệ). Nhả ra khi đã đạt đến tốc độ mong muốn.

2. Nếu muốn giảm tốc độ, nhấn công tắc RES (-). Tốc độ của xe sẽ giảm sau mỗi lần nhấn nút RES (-) (tốc độ sẽ không giảm xuống dưới tốc độ tối thiểu được lập trình). Thả ra khi đạt được tốc độ mong muốn.

Tốc độ tại thời điểm điều khiển ga tự động được kích hoạt được hiểu là tốc độ tự động. Trạng thái hoạt động này sẽ được thông báo cho người lái bằng biểu tượng “CC” trong cụm đồng hồ.

Tắt điều khiển ga tự động

Điều khiển ga tự động sẽ bị vô hiệu hóa nếu nhấn phanh hoặc bàn đạp ly hợp, hoặc phanh phụ được kích hoạt, hoặc nhấn công tắc tắt điều khiển ga tự động.

Tăng tốc

Tăng tốc gấp (chẳng hạn như để vượt xe khác) không làm gián đoạn hoạt động điều khiển ga tự động. Sau khi vượt, nhả chân ga và để xe giảm tốc độ. Tốc độ đã đặt trước đó sẽ được duy trì.

Lưu ý: Đảm bảo rằng phanh phụ không hoạt động trước khi cài đặt ga tự động.

- Điều khiển ga tự động chỉ có thể được kích hoạt khi **tốc độ xe trên 30 km/h** hướng về phía trước.
- Điều khiển ga tự động sẽ bị vô hiệu hóa khi phanh phụ được kích hoạt.

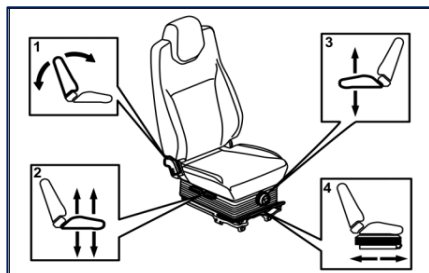
I. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

I.6 Các công tắc và chức năng

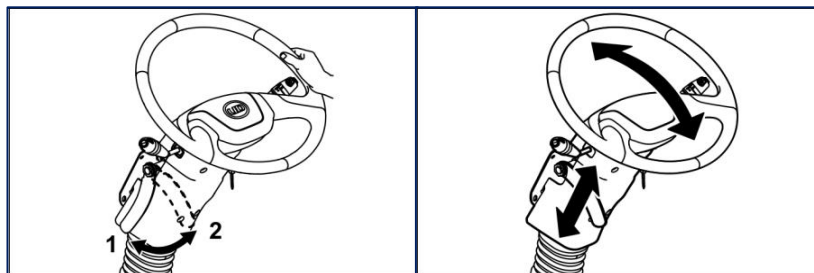
Điều chỉnh ghế và vô lăng

- Ghế tài và hành khách có thể được điều chỉnh theo nhiều hướng.
- Vô lăng được trang bị trên xe có thể điều chỉnh theo 4 hướng.

Lưu ý: không điều chỉnh ghế & vô lăng trong khi đang lái xe.



1. Điều chỉnh tựa lưng
2. Điều chỉnh độ nghiêng và độ cao của ghế
3. Điều chỉnh độ cao hệ thống giảm sóc
4. Điều chỉnh dọc ghế

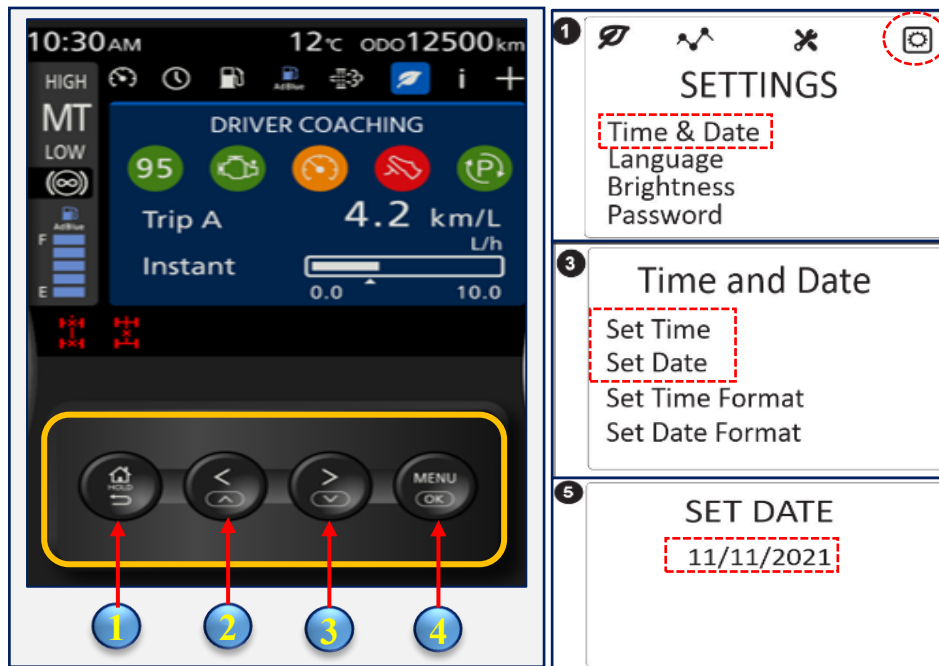


1. Vị trí khóa vô lăng
2. Vị trí mở khóa vô lăng
3. Điều chỉnh vô lăng đến vị trí phù hợp

I. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

I.7 Các công tắc và chức năng

Cài đặt thời gian và ngày trên cụm đồng hồ hiển thị



Nút thoát ESC (1) Nút xuống (3)
Nút lên (2) Nút Enter / OK (4)

Các bước thực hiện:

1. nhấn nút số 4 để vào **“Main Menu”**
2. Nhấn nút số 3 để di chuyển đến biểu tượng **“bánh răng”**
3. Nhấn nút số 4 để xác nhận vào cài đặt
4. Di chuyển đến mục **“Time & Date”** bằng nút số 2 & 3
5. Nhấn nút số 4 để xác nhận chọn
6. Nhập thời gian/ ngày bằng cách nhấn nút số 2 hoặc 3 (tương ứng sẽ tăng/giảm con số. Sau khi nhập xong tại 1 vị trí nhấn nút số 4 để xác nhận và chuyển qua vị trí tiếp theo, thực hiện tương tự cho đến khi hoàn thành công việc
- Sau khi hoàn tất công việc xác lập thời gian, giữ nguyên trong vòng 5s cho đến khi màn hình hiển thị thời gian mới vừa được cập nhật
7. Sau khi hoàn tất nhấn nhiều lần nút số 1 để thoát ra

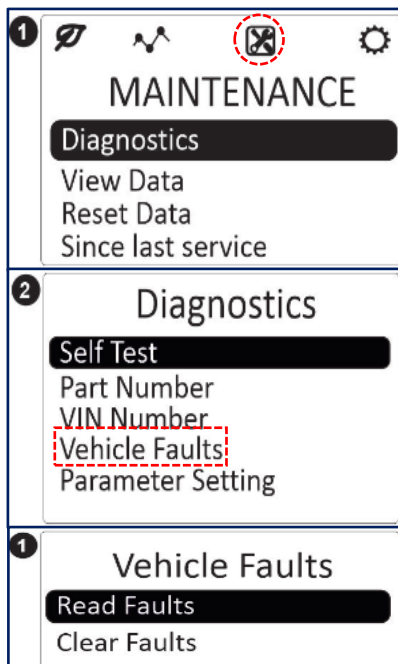
I. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

I.8 Các công tắc và chức năng

Hướng dẫn đọc mã lỗi hiển thị trên xe



Nút thoát ESC (1) Nút xuống (3)
Nút lên (2) Nút Enter / OK (4)



Việc thao tác đọc mã lỗi trên xe nhằm thu thập thông tin về lỗi hiển hành trên xe để cung cấp cho Đại lý UD Trucks được ủy quyền nhằm có hướng tư vấn, khắc phục hoặc xử lý tạm thời cho sự cố từ xa.

Thực hiện thao tác như sau:

1. Nhấn nút số 4 để vào **“Main menu”**
2. Nhấn nút số 3 để di chuyển đến mục **“setting”**
3. Nhấn nút số 4 để xác nhận vào cài đặt
4. Nhấn nút số 3 để di chuyển đến mục **“Diagnostics”**
5. Nhấn số 4 để xác nhận vào mục đã chọn
6. Sau khi vào mục đã chọn nhấn nút số 3 để di chuyển đến mục **“vehicle faults”**
7. Nhấn số 4 để xác nhận vào mục đã chọn
8. Dùng nút số 3 để di chuyển và chọn mục **“read faults”**

I. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

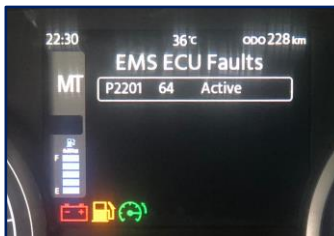
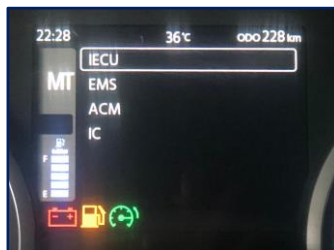
I.8 Các công tắc và chức năng

Hướng dẫn đọc mã lỗi hiển thị trên xe



Nút thoát ESC (1) Nút xuống (3)

Nút lên (2) Nút Enter / OK (4)



9. Tùy vào từng trường hợp báo lỗi liên quan đến hệ thống nào thì chọn vào hệ thống đó để xem mã lỗi. Chọn hệ thống cần xem bằng nút số 4. Có 4 hệ thống:

ACM: mã lỗi liên quan đến điều khiển khí thải

EMS: mã lỗi liên quan đến hệ thống điều khiển động cơ

IECU: mã lỗi liên quan đến điều khiển các chức năng

IC: mã lỗi liên quan đến cụm đồng hồ tập lô

10. Trường hợp đã vào 1 hệ thống để xem mã lỗi nhưng muốn xem tại 1 hệ thống khác. Quay lại menu “**read faults**” bằng nút số 1 và chọn hệ thống khác

11. Thoát ra màn hình chính bằng cách nhấn nhiều lần nút số 1

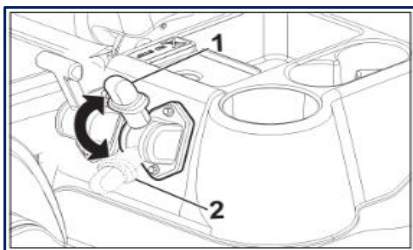
Ghi chú: Các mã lỗi ở trạng thái “**Active**” là các mã lỗi hiện hành và xe đang gặp sự cố cần khắc phục.

Các mã lỗi ở trạng thái “**Inactive**” các mã lỗi quá khứ không ảnh hưởng đến hoạt động hiện tại của xe.

II. LƯU Ý KHI VẬN HÀNH

II.1 Kiểm tra trước khi lái xe

A. Phanh đỗ xe



1. Gài phanh đỗ
2. Nhả phanh đỗ

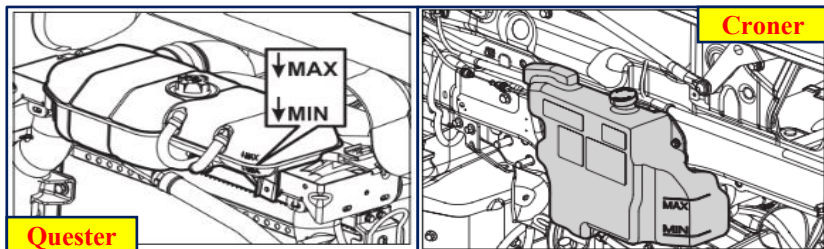
Đã gài phanh đỗ

Kéo cần đến vị trí đỗ và đảm bảo rằng bạn có thể nghe thấy âm thanh thoát khí.

Đảm bảo rằng cần gạt được cố định ở vị trí đỗ.

Sau khi nhả phanh tay, hãy chắc chắn đèn báo phanh đỗ tắt trước khi di chuyển xe.

B. Kiểm tra mức nước làm mát



Mở nắp ca pô phía trước để kiểm tra mức nước làm mát động cơ.

Kiểm tra mức nước làm mát trong bình nước làm mát. Mức nước làm mát phải được duy trì trong khoảng từ **MAX** đến **MIN**.

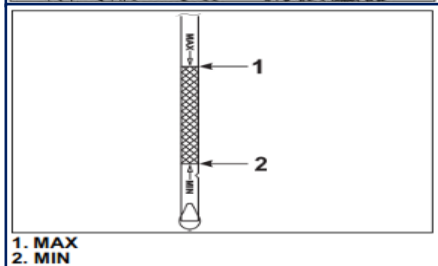
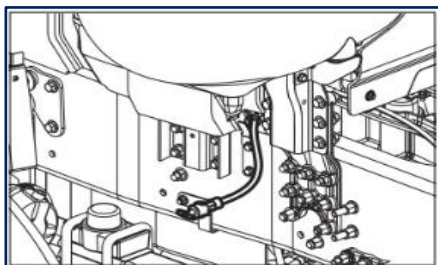
Lưu ý: Không mở nắp két nước khi động cơ đang còn nóng.

Tiếp tục lái xe với mức nước làm mát thấp có thể gây quá nhiệt cho động cơ và có thể làm hỏng nghiêm trọng cho động cơ.

II. LƯU Ý KHI VẬN HÀNH

II.1 Kiểm tra trước khi lái xe

C. Mức nhớt động cơ và đèn báo áp suất nhớt



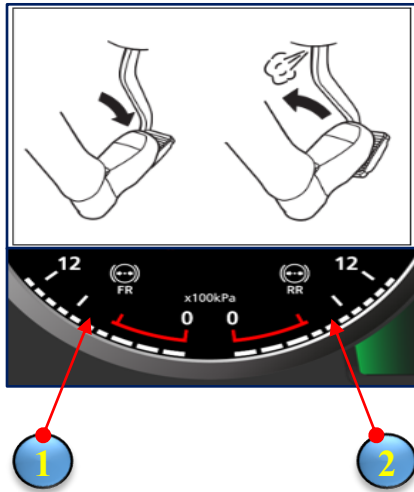
- Dừng xe trên bề mặt bằng phẳng.
- Rút que thăm nhớt ra và lau sạch nhớt trên bề mặt thước đo. Lắp chặt que thăm và tháo ra. Kiểm tra xem mức nhớt có nằm giữa **MAX** và **MIN** hay không.
- Luôn duy trì mức nhớt giữa vạch **MAX** và **MIN** của que thăm nhớt.
- Nếu mức nhớt dưới **MIN**, nhất thiết phải đổ thêm nhớt động cơ. Sử dụng nhớt động cơ đúng chủng loại theo khuyến cáo của **Nhà Sản Xuất**.

Lưu ý: Luôn kiểm tra mức nhớt động cơ khi động cơ nguội. Thời gian tốt nhất để kiểm tra mức nhớt là trước khi vận hành động cơ hoặc khoảng 30 phút sau khi tắt động cơ.

II. LƯU Ý KHI VẬN HÀNH

II.1 Kiểm tra trước khi lái xe

D. Kiểm tra hoạt động của phanh và áp suất khí nén



- Luôn giữ sạch sẽ khu vực xung quanh các bàn đạp. Chai rỗng và sỏi có thể chèn vào bàn đạp và cản trở hoạt động phanh.
- Phanh hoạt động bình thường, nếu bàn đạp phanh không bị kẹt khi nhấn và có thể nghe thấy âm thanh xả khí khi nhả ra. Bàn đạp phanh phải trở lại vị trí ban đầu khi nhả ra.
- Kiểm tra áp suất khí nén của phanh trước và phanh sau bằng cách theo dõi đồng hồ áp suất trên bảng đồng hồ.
- Kiểm tra xem áp suất khí nén hiển thị trong đồng hồ áp suất có bình thường không và chỉ báo hiển thị nằm trong phạm vi **7.7 - 9.5 bar**.
- Nếu áp suất khí nén không tăng bình thường, có thể có rò rỉ trong hệ thống khí nén hoặc các vấn đề khác. Liên hệ ngay với Đại lý UD Trucks được ủy quyền.

1. Áp suất khí nén, phanh trước

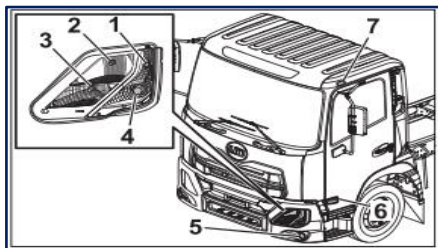
2. Áp suất khí nén, phanh sau

II. LƯU Ý KHI VẬN HÀNH

II.1 Kiểm tra trước khi lái xe

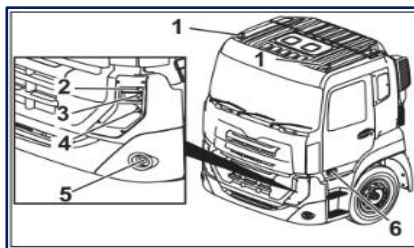
E. Kiểm tra hoạt động của hệ thống đèn

BẬT từng công tắc để kiểm tra đèn tương ứng.



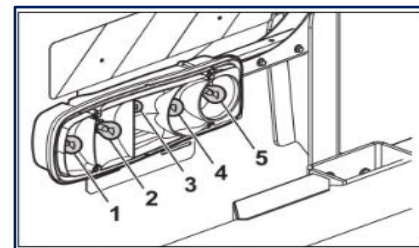
Đèn trước - Croner

1. Đèn vị trí trước
2. Đèn chiếu gần
3. Đèn chiếu xa (và DRL nếu trang bị)
4. Đèn báo rẽ/ đèn xin ưu tiên.
5. Đèn sương mù trước
6. Đèn xi nhan bên hông cửa
7. Đèn báo trên nóc cabin



Đèn trước - Quester

1. Đèn kích thước phía trước
2. Đèn vị trí / đèn đỗ phía trước
3. Đèn xi nhan phía trước
4. Đèn pha/đèn cos
5. Đèn cản trước
6. Đèn xi nhan hông



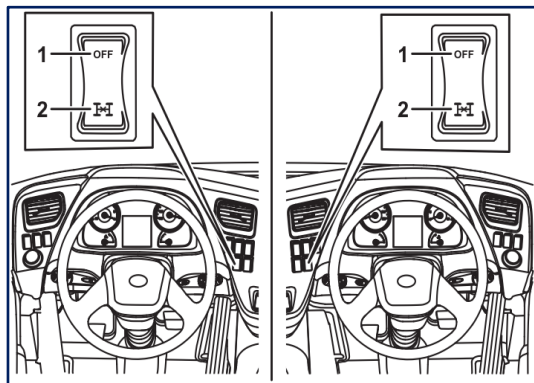
Đèn sau

1. Đèn báo rẽ / Đèn nguy hiểm
2. Đèn phanh
3. Đèn vị trí sau
4. Đèn lùi
5. Đèn cản sau

II. LƯU Ý KHI VẬN HÀNH

II.1 Kiểm tra trước khi lái xe

F. Hướng dẫn vận hành khoá vi sai liên động – nếu trang bị



Nếu bánh xe bị quay trượt, trượt hoặc mất độ bám đường, hãy sử dụng công tắc gài khoá vi sai liên động nằm trên cụm điều khiển.

Công tắc khoá vi sai liên động phải được kích hoạt khi xe dừng hẳn và trước khi đến những khu vực bề mặt trơn trượt, sa lầy,... Nếu được kích hoạt khi quay trượt hoặc trượt, nó có thể làm hỏng cầu xe.

Khi một công tắc khoá vi sai liên động được BẬT, thông báo về gài khoá vi sai liên động sẽ sáng lên.

Khi công tắc khoá vi sai liên động đã được BẬT mà tốc độ xe > **25 km/h** thì đèn báo sẽ bắt đầu nhấp nháy ở tần số 1 Hz.

Lái xe cẩn thận khi khoá vi sai liên động được gài. Để tránh hư hỏng trực truyền động và bánh răng, **TUYỆT ĐỐI KHÔNG ĐƯỢC** quay đầu hoặc lái xe trên bề mặt bình thường với **tốc độ >15km/h** hoặc đổ dốc khi đang có khoá vi sai liên động.

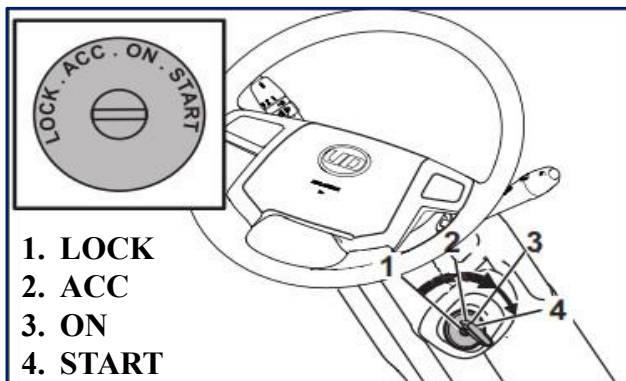
Gài khoá vi sai trước khi xe di chuyển vào bề mặt trơn trượt. Tháo khoá vi sai sau khi rời khỏi bề mặt trơn trượt.

Khóa vi sai không hoạt động cho đến khi đèn báo trên bảng đồng hồ sáng lên (chỉ sáng lên khi xe bắt đầu di chuyển).

Nếu đèn báo khóa vi sai vẫn sáng ngay cả khi đã TẮT công tắc khóa vi sai. **HÃY** dừng xe và liên hệ với Đại lý UD Trucks được ủy quyền gần nhất để được hỗ trợ.

II. LƯU Ý KHI VẬN HÀNH

II.2 Lưu ý trước khi khởi động



CẢNH BÁO

Không di chuyển xe khi đã rút chìa khóa điện hoặc ở vị trí LOCK. Vô lăng có thể khóa và ngăn cản việc đánh lái.

Không vận công tắc điện sang bất kỳ vị trí nào khác ngoài vị trí ON khi đang lái xe. Nếu chuyển sang vị trí ACC, động cơ sẽ dừng lại, và nếu chuyển sang vị trí KHÓA, vô lăng có thể khóa và ngăn cản việc đánh lái.

LOCK: Đây là vị trí tắt nguồn động cơ. Nó cũng là vị trí mà chìa khóa có thể được đưa vào và lấy ra và có thể khóa vô lăng. Vô lăng sau khi rút chìa khóa sẽ tự động khóa vào vị trí cố định để chống trộm.

ACC (Phụ kiện): Đây là vị trí dùng để dừng động cơ. Đây cũng là vị trí được sử dụng để BẬT các phụ kiện như radio, khi đỗ xe, khi dừng động cơ.

ON: Đây là vị trí được sử dụng khi động cơ đang hoạt động. Tuyệt đối không vận chìa khóa sang bất kỳ vị trí nào khác khi lái xe. Ngoài ra, nếu nhiệt độ không khí thấp khi khởi động động cơ, chế độ ON cung cấp điện cho bộ gia nhiệt khí nạp (nếu trang bị) và bộ gia nhiệt bộ sấy khí nén.

START: Đây là vị trí dùng để khởi động động cơ. Chìa khóa sẽ tự động trở lại vị trí ON khi được nhả ra. Không vận chìa khóa về vị trí START sau khi động cơ đã khởi động.

II. LƯU Ý KHI VẬN HÀNH

II.3 Hướng dẫn lái xe đạt hiệu quả nhiên liệu tối ưu

Hệ thống huấn luyện sử dụng nhiên liệu (**Fuel coaching system**) hướng dẫn người lái vận hành trong vùng hoạt động tốt nhất có thể của động cơ. Điều này đạt được bằng cách hướng dẫn người lái xe bằng cách chiếu sáng ánh sáng xanh lục và xanh lam trong cụm đồng hồ. Hệ thống cũng sẽ giúp người lái xe theo dõi hành vi lái xe và hiệu suất của mình trong một khoảng thời gian xác định hoặc các hành trình được ghi lại mà chủ xe có thể trích xuất và phân tích.

Biểu tượng “**Fuel coaching**” sẽ được kích hoạt khi xe đạt tốc độ 30 km/h đối với xe tải đường dài và 10 km/h đối với xe tải chạy công trình.



Trong phạm vi rpm đạt hiệu quả nhiên liệu

Trong phạm vi rpm không đạt hiệu quả nhiên liệu

II. LƯU Ý KHI VẬN HÀNH

II.3. Hướng dẫn lái xe đạt hiệu quả nhiên liệu tối ưu (tt)

- Hệ thống đánh giá hiệu quả lái xe đã có trên xe. Trong đó, thói quen lái xe sẽ được đánh giá theo thang điểm 100 để đánh giá về hiệu quả sử dụng nhiên liệu trong khi lái xe. Từ đó, điều chỉnh lại các thói quen chưa phù hợp để đạt được hiệu quả nhiên liệu tối ưu. Bao gồm:
 - Điểm đánh giá tổng thể (thang điểm 100)
 - 4 yếu tố đánh giá về thói quen lái xe ảnh hưởng đến hiệu quả lái xe đạt hiệu quả nhiên liệu tối ưu:
 - Động cơ/ sang số
 - Tốc độ xe
 - Dự đoán trước tình huống & phanh
 - Nổ máy tại chỗ (cầm chừng)
 - Mỗi yếu tố cũng sẽ có điểm số đánh giá riêng theo thang điểm 100, trung bình điểm số của cả 4 yếu tố gộp lại sẽ cho ra kết quả đánh giá tổng thể theo thang điểm 100. Dựa theo thang điểm đánh giá, lái xe có thể nhận biết và điều chỉnh lại thói quen lái xe chưa phù hợp tại yếu tố nào để đạt được hiệu quả nhiên liệu tối ưu.
 - Đánh giá được cập nhật sau mỗi 2 giờ lái xe



	80 – 100	Đạt
	60 - 79	Cần cải thiện thói quen
	< 60	Không đạt, thay đổi thói quen

II. LƯU Ý KHI VẬN HÀNH

II.4 Những lưu ý khi lái xe

A. CẦN LƯU Ý KHI VẬN HÀNH

- Kiểm tra và đảm bảo các chỉ báo, đèn báo hoạt động tốt.
- Nhả hết phanh tay và đảm bảo đèn báo phanh tay đã tắt.
- Khi di chuyển trong điều kiện có tải, chuyển sang số 1 và khởi động từ từ. Sử dụng nửa vòiri chân côn sẽ làm giảm tuổi thọ của ly hợp.
- Nếu có tiếng động, rung, mùi lạ, ga không ổn định hoặc có cảm giác trực trặc chi tiết nào đó, hãy dừng xe và kiểm tra lại tất cả các bộ phận ngay.
- Nếu không tìm ra nguyên nhân hoặc không thể sửa chữa được hãy đưa xe đến Đại lý UD Truck được uỷ quyền gần nhất.
- Nếu vô lăng nặng hoặc lực phanh không bình thường trong khi vận hành, hãy dừng xe và kiểm tra ngay.
- Nếu đèn báo hiển thị hoặc còi báo kêu, dừng xe ngay. Những đèn báo màu đỏ phải tắt trong khi vận hành xe. Nếu có bất kỳ đèn báo màu đỏ nào sáng thì nó báo có trực trặc ở hệ thống nào đó. Khi đó dừng xe và kiểm tra ngay.
- Đèn báo màu cam và màu xanh hiển thị khi công tắc tương ứng đang bật mở. Chúng không cảnh báo trực trặc.

B. KHI XE LÊN DỐC

- Trước khi lên dốc, giảm số để tránh động cơ bị quá tải.
- Khi lên dốc, duy trì tốc độ của động cơ gần với tốc độ mô men xoắn tối đa của động cơ.

C. KHI XE XUỐNG DỐC

- Sử dụng phanh động cơ và phanh khí xả (nếu có trang bị).
- Tắt hệ thống khóa vi sai liên động.
- Không sử dụng quá nhiều phanh chân.
- Đặc biệt lưu ý không tăng ga quá cao, đảm bảo động cơ không chạy quá nhanh.

II. LƯU Ý KHI VẬN HÀNH

II.4 Những lưu ý khi lái xe

D. Những lưu ý khi phanh

➤ Phanh đúng kỹ thuật

- Trước khi lái xe hãy kiểm tra và đảm bảo phanh tay đã nhả và đèn báo đã tắt.
- Lái xe qua vùng nước sâu có thể làm phanh bị ướt. Phanh cũng có thể bị ướt sau khi rửa xe. Phanh ướt có thể gây nguy hiểm, xe không thể phanh được ngay do phanh bị ướt. Nếu nghi ngờ phanh bị ướt hãy cẩn thận đạp nhẹ phanh để làm khô phanh cho tới khi tác dụng của phanh trở lại bình thường. Lưu ý luôn kiểm soát xe trong quá trình làm khô phanh. Nếu phanh không bình thường cố gắng dừng xe càng sớm càng tốt và gọi Đại lý UD Trucks được ủy quyền gần nhất để hỗ trợ.
- Không được nhả số khi xuống dốc, nó có thể sẽ rất nguy hiểm. Luôn vào số trong mọi điều kiện xe chạy, sử dụng phanh để giảm tốc độ sau đó chuyển về số thấp hơn, phanh động cơ sẽ giúp bạn kiểm soát tốt hơn.

➤ Phanh đột ngột

Trong trường hợp khẩn cấp, đạp hết chân phanh. Phanh sẽ tác động lên tất cả các bánh xe và xe được dừng một cách đột ngột. Cẩn thận do có sự giật mạnh khi dừng xe.

Thận trọng:

- Hậu quả của việc phanh đột ngột là làm cho lốp, trống phanh, má phanh bị mòn nhanh và các chi tiết khác sẽ giảm tuổi thọ.
- Tránh việc phanh đột ngột trừ trường hợp khẩn cấp. Khi bề mặt đường ướt do trời mưa hoặc khi vào đường trơn trượt việc phanh đột ngột sẽ làm xe bị trượt lết gây mất khả năng điều khiển và gây mất an toàn khi phanh.

II. LƯU Ý KHI VẬN HÀNH

II.4 Những lưu ý khi lái xe

D. Những lưu ý khi phanh

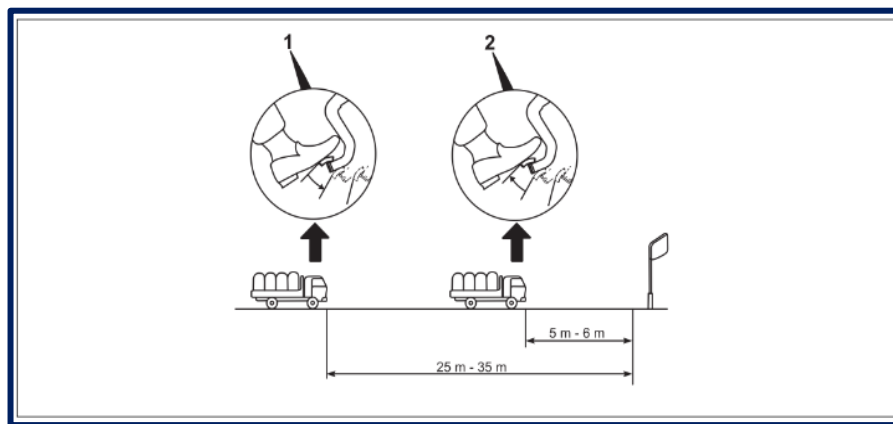
➤ Phương pháp vận hành bàn đạp phanh (phanh bình thường)

Làm theo hướng dẫn dưới đây để dừng xe trong quá trình lái được trơn tru.

Nhấn bàn đạp phanh khoảng 1/3 đến 1/2 hành trình cách 25 đến 35 mét trước địa điểm dừng dự kiến.

Đến khoảng 5 đến 6 mét trước điểm dừng dự kiến, Nhả bàn đạp phanh từ từ trở lại (khoảng 1/3 đến 1/2 hành trình đã được nhấn).

Nhấn bàn đạp phanh ngay trước điểm dừng dự kiến để dừng xe.



1. Nhấn 1/2 đến 1/3 tổng hành trình

2. Nhả 1/2 đến 1/3 hành trình bàn đạp đã được nhấn

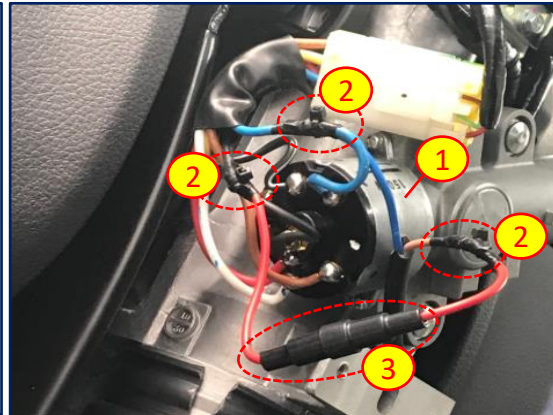
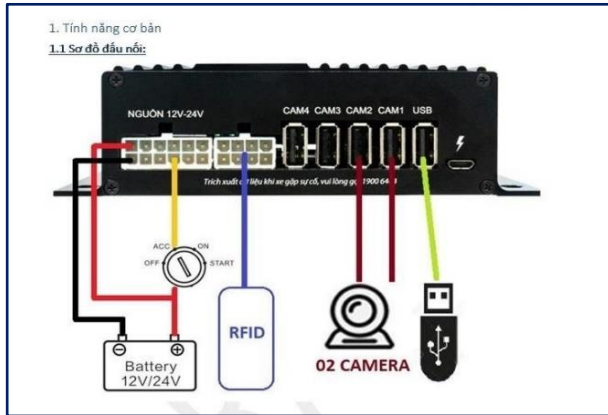
II. LƯU Ý KHI VẬN HÀNH

❑ Cảnh báo quan trọng

- Xe được trang bị hệ thống xử lý khí thải với dung dịch xử lý khí thải là dung dịch AdBlue.
- AdBlue không được xếp vào loại nguy hiểm, tuy nhiên nó rất ăn mòn và có thể làm hỏng các giắc điện và hệ thống dây điện. Nếu AdBlue dính vào các giắc điện hoặc hệ thống dây điện, chúng phải được thay thế và không nên làm sạch.
- Tránh để dung dịch AdBlue tiếp xúc với da, nếu bị đổ lên người hãy rửa sạch bằng nước ngay lập tức.
- Không lái xe khi mức AdBlue quá thấp. Điều này sẽ dẫn đến xe báo lỗi và công suất động cơ sẽ giảm 40% so với công suất tối đa. Tốt nhất nên châm đầy bình AdBlue trước mỗi chuyến đi.
- Sau khi TẮT khóa điện, hãy đợi ít nhất **120 giây (2 phút)** trước khi ngắt kết nối cáp ắc quy (cúp mass) hoặc các đầu nối của hệ thống điện khi bảo dưỡng xe. Điều này nhằm hệ thống đủ thời gian làm sạch lượng AdBlue trong đường ống, tránh tình trạng AdBlue kết tinh trong đường ống dẫn đến báo lỗi hệ thống khí thải.
- Do dung dịch AdBlue **kết tinh** tại **-11°C** và **bay hơi** tại **75°C**. Vì vậy, Trong quá trình lưu kho dung dịch AdBlue (nếu có), nhằm tránh làm giảm phẩm chất đối với các bình dung dịch cần phải bảo quản trong môi trường có nhiệt độ phù hợp (đề nghị: từ **0 độ** đến dưới **30 độ**, tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng mặt trời).
- Sử dụng dầu Diesel chất lượng và sạch: Luôn sử dụng dầu Diesel đảm bảo chất lượng với hàm lượng lưu huỳnh thấp theo tiêu chuẩn (DO 0,005S-IV đến DO 0,001S-V). Việc sử dụng dầu Diesel không đảm bảo có thể hư hỏng hệ thống nhiên liệu, hệ thống xử lý khí thải và giảm tuổi thọ động cơ. Luôn lựa chọn các đơn vị cung cấp dầu Diesel có uy tín, chất lượng.

❑ Lưu ý khi lắp đặt thiết bị hành trình trên xe

- Nhằm đảm bảo tính an toàn về điện, không làm ảnh hưởng đến hoạt động của các thiết bị trên xe, việc lắp đặt thiết bị hành trình (thiết bị ngoài) cần phải tuân thủ các yêu cầu sau:
 - ✓ Đầu nối thiết bị theo sơ đồ quy định.
 - ✓ Lấy nguồn cung cấp thiết bị theo sơ đồ, tuyệt đối không lấy nguồn từ bất kì vị trí nào khác vị trí chỉ định.
 - ✓ Cần lắp đặt cầu chì cho thiết bị để đề phòng trường hợp chập, cháy thiết bị gây ảnh hưởng đến hệ thống điện khác trên xe.
 - ✓ Tại các vị trí mối nối cần được bọc kín và có biện pháp chống tuột mối nối một cách an toàn.



1. Ổ khóa điện
2. Vị trí các mối đấu nối
3. Cầu chì thiết bị

III. NỘI DUNG BẢO DƯỠNG

III.1 Định mức nhớt và dung dịch bảo dưỡng định kì

Dung tích nhớt máy (lít) (tiêu chuẩn CI-4 15W40)	Động cơ 5L	Động cơ 8L	Động cơ 11L	10,000 km đầu tiên và mỗi 25,000 km
	13,5	20,5	33	
Dung tích nước làm mát (lít)	Động cơ 5L	Động cơ 8L	Động cơ 11L	Mỗi 100,000 km hoặc 12 tháng
	23	39	42,5	
Dung tích nhớt hộp số (lít) (tiêu chuẩn API GL 4 - 80W90)	11,5	Hộp số 6 số (ST1006)		Mỗi 100,000 km hoặc 12 tháng
	13	Hộp số 9 số (ST1199)		
	15	Hộp số 12 số (STO2012)		
	16	Hộp số ESCOT		
Dung tích nhớt cầu (lít) (tiêu chuẩn API GL 5 - 85W140)	5	MKE210		Mỗi 100,000 km hoặc 12 tháng
	14,7	LKE210, PKE250		
	18,5	CDE280		
	20,5 (FR) 18,5 (RR)	GWE350, GWE350 XXSL, CWE350, CGE350, GWE410, GWE410 XXSL, GWE460		
Dung tích nhớt trợ lực lái (lít) (ATF oil Type Dexron III)	4	4x2, 6x2, 6x4		Mỗi 100,000 km hoặc 12 tháng
	6	8x4		
Dung tích nhớt bơm cabin lật (lít)	1	Áp dụng cho tất cả dòng xe Quester		Mỗi 175,000 km hoặc 12 tháng
Dung tích dung dịch trợ lực ly hợp (lít)	0,5 (DOT 4)	Áp dụng cho tất cả dòng xe		Mỗi 100,000 km hoặc 12 tháng

III. NỘI DUNG BẢO DƯỠNG

III.2 Dung tích bình Adblue và nhiên liệu

Dung tích thùng AdBlue (lít)	20	MKE210, LKE210, PKE250, CWE350 (WB4300)	- Kiểm tra và bổ sung thường xuyên - Sử dụng dung dịch AdBlue đạt chuẩn - Không để mức AdBlue nhỏ hơn 30% mức tối đa của bình chứa
	34	CDE280, GWE350, CWE350, CGE350	
	50	GWE410, GWE410 XXSL, GWE460, GWE350 XXSL, CWE350 Ben	
Dung tích thùng nhiên liệu (lít)	190	MKE210, LKE210, PKE250	Khuyến cáo sử dụng dầu tiêu chuẩn DO 0,005S-IV đến DO 0,001S-V
	210	CWE350 (WB4300)	
	315	CDE280, GWE350, CWE350, CGE350	
	405 + 210	GWE350 XXSL	
	405 + 315	GWE410 XXSL	
	405	GWE410, GWE460	

III. NỘI DUNG BẢO DƯỠNG

III. Chu kỳ bảo dưỡng

THAY THẾ LẦN ĐẦU <i>(Tại 10.000 km)</i>	THAY THẾ MỖI 25.000 KM <i>(Cấp: 35.000/60.000/85.000/135.000/160.000/ 225.000/250.000/275.000 km)</i>	THAY THẾ MỖI 100.000 KM <i>(Cấp: 110.000/210.000/310.000 km)</i>	THAY THẾ MỖI 175.000 KM <i>(Cấp: 185.000/360.000 km)</i>
- Nhớt động cơ - Lọc nhớt - Lọc nhiên liệu	- Nhớt động cơ - Lọc nhớt - Lọc nhiên liệu	- Nhớt hộp số - Nhớt cầu - Dầu ly hợp - Nhớt trợ lực lái - Lọc khí nén - Nhớt động cơ - Lọc nhớt - Lọc nhiên liệu - Lọc gió - Nước làm mát	- Nhớt động cơ - Lọc nhớt - Lọc nhiên liệu - Nhớt hệ thống cabin lật - Dây đai (curoa)

❖ Chu kì bảo dưỡng (khuyến cáo) nên được thực hiện định kì: **mỗi 25.000 km** hoặc **mỗi 03 tháng** hoặc **mỗi 1200 giờ vận hành** (tùy theo điều kiện nào đến trước).

DANH MỤC THỰC HIỆN BẢO DƯỠNG ĐỊNH KÌ

- Kiểm tra rò rỉ, bổ sung nước làm mát
- Kiểm tra rò rỉ, bổ sung nhớt máy, nhớt cầu, hộp số
- Kiểm tra, bổ sung dung dịch xử lý khí thải (AdBlue)
- Kiểm tra rò rỉ, bổ sung nhớt hệ thống lái
- Kiểm tra rò rỉ khí nén hệ thống phanh
- Kiểm tra, điều chỉnh độ căng dây đai (curoa)
- Kiểm tra tình trạng, siết lại hệ thống treo
- Kiểm tra rò rỉ hệ thống điều hòa
- Bơm mỡ tại các khớp liên kết (bạc, ốc)
- Đào lớp mỗi 25.000 km
- Bảo dưỡng máy phát mỗi 100.000 km
- Bảo dưỡng máy khởi động mỗi 100.000 km
- Bảo dưỡng, thay mỡ bánh mỗi 100.000 km
- Kiểm tra, điều chỉnh khe hở xú pấp mỗi 100.000 km



• **Chu kì bảo dưỡng khuyến nghị có hiệu lực khi sử dụng Nhớt động cơ và phụ tùng hiệu UD Trucks đồng bộ chính hãng.**

CHÂN THÀNH CẢM ƠN!



CÔNG TY TNHH NAM HÀN

Địa chỉ: 39A/11, QL1A, Kp. Ngãi Thắc, P. Bình Thắc, Tp. Dĩ An, Bình Dương

MST: 3700501381

Điện thoại: 06503 739 379

Hotline dịch vụ: 093 369 77 22

UD Trucks Corporation
1-1 Ageo-shi, saitama 362-8523, Japan